

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **371**/TTr-VNPD-HĐQT

Hà Nội, ngày **20** tháng 04 năm 2016

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT – BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính v/v “*Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng*”;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 252/NQ-VNPD-HĐQT ngày 23/3/2016 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 25/3/2016 về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016,

Sau khi xem xét, nghiên cứu và so sánh Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam hiện hành và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty hiện hành cho phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam gồm có 54 Điều, cụ thể như Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm.

Trân trọng cảm ơn!

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Kiểm soát (để b/c);
- Ban TGD (để t/h);
- Lưu TH; Vp. HĐQT.



Nguyễn Thanh Tùng

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

TT	Điều lệ hiện tại		Nội dung đề nghị sửa đổi	Cơ sở pháp luật sửa đổi, giải thích
	Điều	Nội dung		
1	Phân mở đầu	Điều lệ này được Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, tổ chức vào ngày 21 tháng 04 năm 2012 và được bổ sung, sửa đổi thông qua Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, tổ chức ngày 25 tháng 5 năm 2013.	Điều lệ này được Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, tổ chức vào ngày 21 tháng 04 năm 2012; được bổ sung, sửa đổi thông qua Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, tổ chức ngày 25 tháng 05 năm 2013 và Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, tổ chức ngày 23 tháng 04 năm 2016.	Điều chỉnh phù hợp với ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2	1	"Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	"Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này	Khoản 29 Điều 4 LDN 2014. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần".
3	1	Khoản 1 điểm b: "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 thay thế cho Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

4	2	Khoản 6: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này , thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 Điều lệ này , thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Điều chỉnh lại cho phù hợp với việc bổ sung Điều 3 và Điều 24
5	2	Khoản 4: Giám đốc Công ty (Tổng Giám đốc) điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
6	3	Bổ sung Điều 3	Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty .	Điều 13 khoản 2 Luật Doanh nghiệp 2014: Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
7	3	Khoản 1: Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là	Khoản 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty là	Phù hợp với từ ngữ sử dụng trong Luật Doanh nghiệp.
8	4	Khoản 1: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Khoản 2: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Khoản 1: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Khoản 2: Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.	Khoản 1 Điều 7 quy định Công ty được phép Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm
9	5	Khoản 2: Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và	Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với	Khoản 5 Điều 111 Luật Doanh nghiệp: Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ

		phù hợp với các quy định của pháp luật.	các quy định của pháp luật.	
10	5	Khoản 3: Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.	Khoản 3: Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.	Phù hợp với việc bổ sung Điều 3
11	6	Khoản 2: Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp .	Khoản 2: Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp .	Quy định cụ thể hơn
12	7	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.	Bỏ từ mẫu
13	8	Khoản 1: Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Tất cả cổ phiếu được chuyển nhượng đều phải tuân theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán
14	9	Khoản 1: Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu , Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.	Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua , Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.	Phù hợp với từ ngữ của Luật Doanh Nghiệp 2014

15	9	Khoản 4: Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp	Theo Điều 111, 112 Luật Doanh nghiệp
16	11	Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;	Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 26 và Khoản 6 Điều 34 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	Phù hợp với quy định tại Điều 24 và Điều 32 Điều lệ hiện hành. Điều chỉnh lại cho phù hợp với việc bổ sung Điều 3 và Điều 24 Hiệu chỉnh lại phù hợp với danh mục Điều của Luật Doanh nghiệp 2014
17	13	Khoản 3, điểm c: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	Khoản 3, điểm c: Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba	Điều chỉnh lại cho phù hợp với khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một

				phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
18	13	Khoản 3, điểm d: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu	Phù hợp với việc bổ sung Điều 3
19	13	Khoản 3 điểm e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp....	Khoản 3 điểm e: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp...	Phù hợp với từ ngữ sử dụng trong Luật Doanh nghiệp.
20	13	Khoản 4 điểm a, b, c: a. Hội đồng quản trị phải như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13. b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn..... theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp	Khoản 4 điểm b, c: a. Hội đồng quản trị phải như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14. b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn..... theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	Điều chỉnh lại cho phù hợp với LDN 2014 và việc bổ sung Điều 3 của Điều lệ sửa đổi.
21	14	1. Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Báo cáo của Hội đồng quản trị; b. Báo cáo của Ban kiểm	Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; b. Báo cáo tài chính hằng năm;	Điều 136 Luật Doanh Nghiệp quy định chi tiết hơn các vấn đề cần thảo luận tại ĐHĐCĐ thường niên.

		soát; c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.	
22	14	Bổ sung Khoản 2, điểm f	Khoản 2, điểm f: Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;	Theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp
23	14	Khoản 2, điểm 1: Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	Theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp
24	14	Khoản 2, điểm o: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán	Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	Điều chỉnh lại cho phù hợp với LDN 2014
25	14	Khoản 3, điểm a: Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14....	Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 15....	Điều chỉnh lại cho phù hợp với việc bổ sung Điều 3 của Điều lệ sửa đổi.
26	15	Khoản 4: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15,	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu	Điều chỉnh lại cho phù hợp

		phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm	quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm	với việc bổ sung Điều 3 của Điều lệ sửa đổi.
27	16	Khoản 2: Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này	Khoản 2: Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này	Điều chỉnh lại cho phù hợp với việc bổ sung Điều 3 của Điều lệ sửa đổi.
28	17	Khoản 1: Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này	Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này	Điều chỉnh lại cho phù hợp với việc bổ sung Điều 3 của Điều lệ sửa đổi.
29	17	Khoản 2, điểm a: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty	Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp
30	17	Bỏ điểm c Khoản 2		Được cụ thể ở Khoản 3
31	17	Khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa	Tách thành Khoản 3 và bổ sung Khoản 4 và Khoản 5: 3.Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.. 4.Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương 5.Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a. Chương trình họp, các tài liệu	Khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp

		chỉ, trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b. Phiếu biểu quyết; c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. d. Tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Đồng thời, Công ty phải cung cấp tài liệu theo phương thức gửi thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản tới phía cổ đông công ty.	
32	17	Khoản 4: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	Khoản 4: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	Điều chỉnh lại cho phù hợp với việc bổ sung Điều 3
33	17	Khoản 5: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; c.	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 Điều 18 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	Điều chỉnh lại cho phù hợp với việc bổ sung Điều 3 và bổ sung Khoản 4, 5 Điều 17 của Điều lệ sửa đổi.
34	18	Khoản 1, Khoản 2: Khoản 1: Đại hội đồng cổ	Khoản 1, khoản 2: Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông	Điều 141 Luật Doanh nghiệp

		đồng được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Khoản 2: Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Khoản 2: Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	
35	19	Khoản 4: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. 	Khoản 4: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.. 	Điều 142 Luật Doanh nghiệp
36	20	Khoản 1: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.	Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định; e. Tổ chức lại, giải thể công ty;	Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp

37	20	Khoản 2: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.	Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp
38	20	Bổ sung Khoản 3	Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu	Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp

			bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	
39	21	Bổ sung Khoản 2	Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại quy chế quản trị nội bộ của công ty;	Điều 31 - Thông tư 121/2012/TT-BTC Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng
40	21	Khoản 2: Hội đồng quản trị phải mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;	Khoản 2: Hội đồng quản trị phải mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp;	Điều 145 Luật Doanh nghiệp
41	21	Khoản 3, điểm c: Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân....	Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân.....	Điều 145 Luật Doanh nghiệp
42	23	Bổ sung khoản 3	Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Khoản 3 - Điều 148 Luật Doanh nghiệp
43		Bổ sung Điều 25	Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan;	Điều 151 Luật Doanh nghiệp

			b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác; c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác: a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó. 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không	
--	--	--	---	--

			còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	
44	25	Khoản 1: Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2014
45	25	Khoản c, Điểm 4: Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.....	Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.....	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014
46	26	Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng.....	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng.....	Khoản 1 Điều 152 Luật Doanh nghiệp: Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch
47	27	a. Khoản 3, điểm c: Ban kiểm soát	Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.	Phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014
48	27	Khoản 4: Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp	Khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và điều chỉnh lại thứ tự Điều cho phù hợp

		ngợi thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
49	27	Khoản 8:Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ.....	Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ.....	Khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
50	27	Khoản 9, điểm a: Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; Khoản 9, điểm c: Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết.... Khoản 9, điểm d: Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó	Khoản 9, điểm a: Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; Khoản 9, điểm c: Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết..... Khoản 9, điểm d: Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó	Điều chỉnh lại thứ tự điều cho phù hợp
51	28	Hệ thống quản lý của Công ty	Hệ thống quản lý của Công ty	Sửa câu chữ (bỏ từ “và”)

		phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc) điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm	phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc) điều hành, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm	
52	30	Khoản 1: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác.....	Khoản 1: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác.....	Sửa câu chữ (bỏ từ “khác”)
53	32	Khoản 1: Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban	Tách khoản 1 thành Khoản 1,2,3,4,5: 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty. 3. Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. 4. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám	Điều 163 Luật Doanh nghiệp

		kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. 5. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	
54	32	Bỏ khoản 4		Đã nêu tại Khoản 1
55	32	Khoản 5: Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát	Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau: a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp; b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty; c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp

		theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
56	33	Khoản 1: Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây	Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:....	Điều 134 Luật Doanh nghiệp quy định công ty Cổ phần có thể chọn mô hình không Ban kiểm soát
57	33	Điểm d, Khoản 1: Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;	Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty;	Điều 165 Luật Doanh nghiệp
58	33	Khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) các bản sao nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.	Hiệu chỉnh câu từ cho phù hợp Điều 166 Luật Doanh nghiệp
59	33	Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.	Khoản 3: Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu bốn (04) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.	Điều 21 - Thông tư 121/2012/TT-BTC Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng. Tăng số lần họp BKS trong năm đảm bảo công tác giám sát được thường xuyên, nâng cao tính ổn định trong công tác hoạt động SXKD của Công ty
60	33	Khoản 4: Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát....	Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên....	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp
61	Đề mục Chương X	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp

62	34	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc)...	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc)....	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp
63	35	Khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc).....	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc)....	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp
64	36	Khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành....	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành....	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp
65	36	Khoản 3: Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc).....	Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc).....	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp
66	36	Khoản 4: Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành..... Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép	Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành..... Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp
67	36	Khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản..... Khoản 2:Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản..... Khoản 2:Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , cán bộ	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp

		Ban kiểm soát, cán bộ quản lý,....	quản lý,....	
68	37	Khoản 1: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 6 Điều 32	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 26 và Khoản 6 Điều 34	Điều chỉnh lại thứ tự điều cho phù hợp
69	37	Khoản 2: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý.....	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý.....	Hiệu chỉnh chính xác theo Luật Doanh nghiệp
70	39	Khoản 5: Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	Công ty đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn Upcom, cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
71	43	Khoản 1: Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn từ 90 ngày đến 120 ngày	Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, và trong thời hạn từ 90 ngày đến 100 ngày	Thông tư 155 /2015/TT-BTC quy định trong 90 ngày và tối đa không quá 100 ngày
72	52	Khoản 1: Bản Điều lệ này gồm 21 chương 52 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam nhất trí thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2013 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này;	Bản Điều lệ này gồm 21 chương 54 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2016 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này;	Hiệu chỉnh lại tổng số Điều và ngày thông qua

Ghi chú: Các Điều, Khoản, Điểm trong Điều lệ được tự động điều chỉnh cho phù hợp với việc bổ sung hay loại bỏ thêm Điều, Khoản, Điểm